

**CÔNG TY TNHH VẬN TẢI DU LỊCH ĐỨC PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI DU LỊCH ĐỨC PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DUC PHAT TRAVEL TRANSPORT  
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400914428

**3. Ngày thành lập:** 15/07/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Tam Tầng, Xã Quang Châu, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0975186466

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) | 4931(Chính) |
| 2.  | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                    | 4932        |
| 3.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                      | 4933        |
| 4.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                           | 5510        |
| 5.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                    | 5610        |
| 6.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng            | 5621        |
| 7.  | Dịch vụ ăn uống khác                                                                | 5629        |
| 8.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                             | 5630        |
| 9.  | Cho thuê xe có động cơ                                                              | 7710        |
| 10. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                       | 7721        |
| 11. | Đại lý du lịch                                                                      | 7911        |
| 12. | Điều hành tua du lịch                                                               | 7912        |
| 13. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch | 7990        |
| 14. | Xây dựng nhà để ở                                                                   | 4101        |
| 15. | Xây dựng nhà không để ở                                                             | 4102        |
| 16. | Xây dựng công trình đường sắt                                                       | 4211        |
| 17. | Xây dựng công trình đường bộ                                                        | 4212        |
| 18. | Xây dựng công trình điện                                                            | 4221        |
| 19. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                 | 4222        |
| 20. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                  | 4223        |
| 21. | Xây dựng công trình công ích khác                                                   | 4229        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                | 4291 |
| 23. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                         | 4292 |
| 24. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                   | 4293 |
| 25. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299 |
| 26. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311 |
| 27. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312 |
| 28. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321 |
| 29. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                   | 4322 |
| 30. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                          | 4329 |
| 31. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                          | 4330 |
| 32. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                     | 4390 |
| 33. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                              | 4610 |
| 34. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                  | 4620 |
| 35. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                          | 4631 |
| 36. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                      | 4632 |
| 37. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                        | 4633 |
| 38. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                    | 4641 |
| 39. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ kinh doanh dược phẩm)                                                                                                           | 4649 |
| 40. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng và các loại nhà nước cấm)                                                                                | 4662 |
| 41. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663 |
| 42. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                       | 4669 |
| 43. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                       | 4690 |
| 44. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                    | 4711 |
| 45. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                          | 4723 |
| 46. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4751 |
| 47. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 48. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753 |
| 49. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 50. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4771 |

|     |                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 51. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh - Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa | 8299 |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 6.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ thường trú: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ liên lạc: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN HUY ĐẠO \_\_\_\_\_ Giới tính: *Nam*  
 Chức danh: *Giám đốc*  
 Sinh ngày: *1977* \_\_\_\_\_ Dân tộc: *Kinh* \_\_\_\_\_ Quốc tịch: *Việt Nam*  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *121304897*  
 Ngày cấp: *08/06/2017* \_\_\_\_\_ Nơi cấp: *Công an tỉnh Bắc Giang*  
 Địa chỉ thường trú: *Thôn Tam Tầng, Xã Quang Châu, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*  
 Địa chỉ liên lạc: *Thôn Tam Tầng, Xã Quang Châu, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang